

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 5

1) Từ “Hữu thập Phật thế giới...” trở xuống là trình bày về Chúng hải vân tập: Chúng tuy sâu rộng khó lường, nhưng tóm lược đưa ra mười môn: Một: Ý của vân tập; Hai: Nhân của vân tập; Ba: Phân rõ về chủng loại; Bốn: Xác định về số lượng; Năm: Nói về Quyền-Thật; Sáu: Nói về địa vị; Bảy: Nói về trước-sau; Tám: Nói về có-không có; Chín: Nói về nghe-không nghe; Mười: Giải thích văn.

Một: *Ý của vân tập*: Đi đến nơi Đức Phật, để làm những việc gì? Có mười nghĩa: 1. Bởi vì ảnh hưởng, mà làm chủ-bạn. 2. Bởi vì làm phụ tá mà đạt được viên mãn, như Phổ Hiền... là chúng thường thuận theo. 3. Bởi vì bảo vệ Như Lai, như Cháp Kim Cang..., thường xuyên bảo vệ trú xứ của chư Phật. 4. Bởi vì trang nghiêm, như thần Đạo Tràng..., thường làm trang nghiêm thanh tịnh cung điện của Phật. 5. Bởi vì cúng dường, như nói kệ ca ngợi tức là cúng dường Chánh hạnh, hoa hương-cột cao... tức là cúng dường tài vật. 6. Bởi vì phát khởi kinh này, thừa thỉnh-chất vấn mọi điều tức là sự việc ấy. 7. Bởi vì nghe pháp được lợi ích, đương cơ lĩnh ngộ tức là loại ấy. 8. Bởi vì biểu thị cho pháp, các vị tên Thủ-các vị tên Lâm biểu thị cho Tín-Hạnh..., vốn là tên gọi đều giống nhau; và chỗ ngồi xuất hiện Bồ-tát... vốn là hiển bày về đặc biệt kỳ lạ, cũng bao gồm biểu thị cho vạn hạnh cùng thành Phật. 9. Bởi vì thuận theo chứng minh, Phật và Bồ-tát... chứng minh thuyết giảng vốn không giả dối. 10. Bởi vì hiển bày vượt qua, tức là Thanh văn không nghe, vốn hiển bày về pháp Bất cộng. Bởi vì nhiều ý như vậy cho nên Chúng hải vân tập, chứ không phải là Chứng Tín mà thôi.

Hai: *Nhân của vân tập, cũng có mười nhân*: 1. Bởi vì đã từng cùng với Như Lai Tỳ-lô Giá-na tích tập thiện căn giống nhau. 2. Bởi vì đã từng thâm nhiếp tiếp nhận được pháp bốn Nhiếp của Phật. 3. Bởi vì xưa kia ở trong sinh tử được nghe đến pháp trọn vẹn. 4. Bởi vì đã từng phát

Đại tâm bảo vệ tất cả. 5. Bởi vì xưa kia phát Đại nguyện, nguyện hầu hạ chư Phật. 6. Bởi vì đi theo Như Lai không hề thỏa mãn. 7. Bởi vì tâm thích nghe Chánh pháp không hề mệt mỏi. 8. Bởi vì có thể khéo léo diệt hết tâm Ngã mạn. 9. Bởi vì phước trí đã thanh tịnh cho nên thân rộng khắp mọi nơi. 10. Bởi vì biển rộng đã sinh ra thiện căn cùng một pháp tánh. Vì nhiều nghĩa này mà được tham dự trong Hội ấy, có nhân của vân tập cũng bao gồm ý của vân tập, và tùy theo các Chúng đều có nhân sai khác, có thể dựa theo để suy nghĩ.

Ba: *Phân rõ về chủng loại*: Ngay nơi ý của vân tập trên đây đã làm thành mười loại: 1. Chúng ảnh hưởng. 2. Chúng thường xuyên đi theo. 3. Chúng giữ gìn bảo vệ. 4. Chúng trang nghiêm pháp hội. 5. Chúng cúng dường. 6. Chúng phát khởi. 7. Chúng đương cơ. 8. Chúng biểu thị cho pháp. 9. Chúng chứng được pháp. 10. Chúng hiển bày pháp. Dựa theo trước có thể biết.

Bốn: *Xác định về số lượng*: Chúng xứng với pháp giới thì làm sao có thể nhận biết số lượng? Ngay nơi văn mà nói, chín Hội đều kể ra, tổng cộng có một trăm bảy mươi lăm chúng. Trong phần Tựa đã có bốn mươi một chúng, đó là chúng Đồng sinh có một, chúng Dị sinh có ba mươi chín, chúng trong tòa sư tử có một. Nếu bao gồm chọn lấy chúng xuất hiện từ trong cây Bồ-đề trước đây, và vô biên Bồ-tát trong cung điện, thì tổng cộng là bốn mươi ba chúng. Bốn mươi ba chúng này có khắp nơi chín Hội. Trong Hội thứ nhất có hai chúng, đó là chúng mười phương mới vân tập, chúng xuất hiện từ giữa chạng mòi của Phật, thêm vào thành bốn mươi lăm. Hội thứ hai có hai chúng cũ-mới. Hội thứ ba-thứ tư đều có bốn chúng, đó là hai chúng cũ-mới và chúng chứng được pháp-chúng chư Thiên. Hội thứ năm có một trăm mười một chúng, đó là chúng cũ-mới, chúng cúng dường trong phẩm Thăng Thiên có một trăm lẻ bảy, cùng với chúng chư Thiên và chúng chứng được pháp. Hội thứ sáu có bốn chúng, đó là chúng chư Thiên, chúng Đồng sinh, chúng Dị sinh và chúng chứng được pháp. Hội thứ bảy-thứ tám, đều chỉ có một chúng, đó là chúng cũ như Phổ Hiền... Hội thứ chín có ba chúng, đó là Bồ-tát, Thanh văn và chúng cũ như Thiên Vương... Chúng cũ tuy trở lại tùy theo Hội sai khác mà tất cả đều chọn lấy.

Nhưng các chúng này, hoặc toàn bộ làm một, đó là chúng Nhất thừa; hoặc phân làm hai, đó là có chúng chân thật và chúng hóa hiện; hoặc có thể làm ba, đó là người-trời và Thần; hoặc phân làm bốn, đó là Phật, Bồ-tát, người và Phi nhân; hoặc phân làm năm, đó là Phi nhân tách ra trời-Thần; hoặc phân làm sáu, đó là thêm loài súc sinh; hoặc

phân làm bảy, đó là trời tách ra cõi Dục-Sắc; hoặc phân làm tám, đó là Bồ-tát có cõi này-cõi khác; hoặc phân làm chín, đó là phương khác có chủ-bạn; hoặc phân làm mười, đó là thêm Thanh văn; hoặc là một trăm bảy mươi lăm chúng như trước đã nói. Hoặc là vô lượng vô biên, bởi vì nghĩa loại thuộc nhiều phương, cho nên mỗi một loại hoặc dùng trần số cõi Phật... để làm số lượng. Lại như Bồ-tát mới quy tụ, chúng xuất hiện từ ánh sáng đầu mảy lông, trên thế lệ đều như vậy, cho nên mỗi một chúng đều không có phạm vi giới hạn.

Đây hãy còn dựa theo tách biệt với nhau. Nếu dung hòa thâm nhiếp, thì trong mỗi một Hội đều có đủ một trăm bảy mươi lăm chúng, bởi vì Hội xứng với duyên khởi của pháp giới, cho nên cùng có lẫn nhau.

Trên đây tạm thời dựa theo một cõi. Nếu nối thông với mười phương và sát trần chủng loại khác nhau, Đế vô tận đến vô tận, thì đó là số Chúng trong Hải hội Hoa Nghiêm.

Năm: *Nói về Quyền-Thật*: Hễ là có thể phù hợp để phát triển Thánh giáo, ảnh hưởng đến dấu tích ấy, thì tất cả là Quyền; sự lưu truyền của Đương cơ phần nhiều đều là Thật. Các giáo đã trình bày trong Uế độ, tạp loại Bồ-tát Thanh văn đều bao gồm Quyền-Thật, Địa tiền là Thật, Địa thượng là Quyền, Pháp thân vô sinh mà sinh vào năm đường. Ở Tịnh độ thì Bồ-tát chỉ là Thật, bởi vì Thật báo sinh ra; tạp loại Thanh văn là Quyền. Trong Nhiếp Luận nói: “Muốn làm cho Tịnh độ không trống rỗng, cho nên hóa ra chúng tạp loại.” Nếu dựa vào kinh này, thì chúng Đồng sinh-Dị sinh đều bao gồm Quyền-Thật, bởi vì Thật đức thâm nhiếp mà hiện rõ trong Định Hải Ấn, tùy theo duyên-tùy theo phần vị mà thị hiện. Đầu Hội thứ hai nói: Bởi vì tất cả đều là Nhất sinh Bồ xứ.

Đối với mười loại trước đây phân rõ về Quyền-Thật, một Chúng ảnh hưởng tự nhiên có hai loại: 1. Chúng thuộc quả đức, nghĩa là có thể thêm vào Chúng chứng được pháp, chư Phật làm chủ-bạn lẫn nhau, không phải Quyền-không phải Thật; nếu Bồ-tát ở phần vị cuối cùng thì ảnh hưởng luôn luôn là Quyền. Có kinh nói: “Xưa làm thầy của Thích-ca, nay làm đệ tử của Phật, bởi vì hai vị không giáo hóa song song, cho nên Ta làm Bồ-tát...” 2. Chúng thuộc Đương cơ chỉ là Thật, tám chúng còn lại bao gồm Quyền-Thật.

Sáu: *Nói về địa vị*: Có nơi nói: Tất cả đều là phần vị của quả, bởi vì đều hiện rõ từ Hải Ấn của Xá-na. Hoặc nói: Tất cả đều là nhân của quả hải, không có thể thấy-nghe, Thế Tôn cũng là nhân, bởi vì từ Thức

mà hiện bày. Hoặc đều bao gồm nhân quả, bởi vì quả đạt được không rời bỏ nhân mà tùy theo chủng loại hiện bày, nguyện lực ở phần vị của nhân mà giáo hóa phụ giúp Đức Phật, sự lưu truyền của Đường cơ chính là tu tập hướng đến. Hoặc đều không phải nhân quả, bởi vì duyên khởi của Đại chúng nhờ vào Chân tánh, đem điều này so với Quyền-Thật trước đây, thì phần vị của quả luôn luôn là Quyền, phần vị của nhân bao gồm Quyền-Thật. Nếu so với mười loại trước đây thì Chúng ảnh hưởng-Chúng chứng được pháp bao gồm nhân quả, tám Chúng còn lại thì phần vị của nhân cao thấp khó mà xác định theo chuẩn mực.

Bảy: *Nói về trước-sau*: Trước là nêu ra Bồ-tát, sau là nêu ra Chúng khác, biểu thị cho từ nơi gốc mà phát khởi ngọn. Phần dưới ca ngợi tức là sau trình bày về Bồ-tát, biểu thị cho tìm theo ngọn mà trở về gốc. Bởi vì gốc và ngọn không hai, cho nên hai văn nêu ra lẫn nhau. Lại từ nơi gốc lưu chuyển đến ngọn, nhất định phải trước là Tiểu-sau là Đại, cho nên Tự Tại Thiên là ngọn. Thân nhiếp ngọn trở về gốc, nhất định phải từ sâu đến cạn, cho nên trước là trình bày về Tự Tại, nhưng đều là hiển bày về pháp giới duyên khởi thuận nghịch tự tại. Lại biểu thị cho bốn mươi phần vị, mỗi một phần vị đều thấu suốt đến môn của nhân, cho nên tất cả bao gồm quả hải. Cùng nêu ra trước sau, bởi vì khiến cho chúng sinh hiểu biết không dấy lên hơn-kém.

Tám: *Nói về có-không có, cũng có mười loại*: 1. Dựa theo cõi (Giới) thì không có Vô sắc. 2. Dựa theo nẻo (Thú) thì không có địa ngục. Bởi vì hai loại này không phải căn khí. Nếu dựa theo chuyển sinh thì có địa ngục và Thiên tử, nếu dựa theo lợi ích thì cũng bao gồm Vô sắc, bởi vì ba cõi đều lợi ích. 3. Dựa theo Châu thì chỉ nêu ra Diêm-phù-đề, bởi vì ba châu còn lại lược qua không có, hoặc là trở thành nạn. 4. Dựa theo Thừa thì không có Nhị thừa, bởi vì giáo Bất cộng, sau là hiển bày pháp cho nên cũng không thấy-nghe. Luận Trí Độ nói: “Nếu kinh Tiểu thừa thì phần đầu chỉ nêu ra Thanh văn, nếu là kinh Đại thừa thì phần đầu nêu ra đầy đủ Bồ-tát và Thanh văn, nếu là kinh Nhất thừa thì phần đầu chỉ nêu ra Bồ-tát.” Vì vậy chỉ ra kinh này là giáo Bất cộng. Hoặc là kinh Đại thừa chỉ nêu ra Tiểu, là bởi vì dẫn dắt thân nhiếp, như kinh Kim Cang; hoặc là chỉ nêu ra Đại cũng thuộc về Đại thừa, bởi vì chủ-bạn không đầy đủ. Chủ-bạn đầy đủ, chắc chắn là Nhất thừa. 5. Dựa theo Bộ thì không có bốn Chúng, bởi vì chưa thuyết về giáo Tiểu thừa. 6. Dựa theo Chủ thì không có vua cõi người, bởi vì vua chưa biết. 7. Dựa theo ba Tự thì không có tự Tà định, bởi vì đó là chướng ngại, cho nên hạng đui mù chỉ âm thầm mà được lợi ích. 8. Dựa theo trong-ngoài thì

không có ngoại đạo, bởi vì không phải là sự suy đoán của ngoại đạo. 9. Dựa theo chư Thiên thì không có Vô Tướng, bởi vì tiến vào Tà định. 10. Dựa theo thiện ác thì không có ma ác, bởi vì không làm tổn hại, cho nên thâu nhiếp trong chư Thiên.

Mười loại trên đây tạm thời tùy theo tướng mà nói, viên dung thuận theo có thì không có gì không đầy đủ.

Chín: *Nói về nghe-không nghe*: Dựa theo Quyền thì trước sau đều có thể nghe thấy lẫn nhau, dựa theo Thật thì tự nghe thấy ở Hội ấy, cho dù không khởi lên trước mà hướng về sau, cũng đều không nhận biết nhau. Nếu dựa theo Đốn cơ, thì có thể trong một lúc mà lập tức lãnh ngộ.

Chín môn trên đây tạm thời thuận theo biểu hiện rõ ràng, sơ lược đưa ra cách giải thích này, Bản bình thường-Bản mở rộng, hoặc ẩn kín-hoặc hiển bày không thể chấp vãn.

Mười: *Giải thích vãn*: Trong Hội thứ nhất, bốn mươi chúng tổng quát trước đây, tất cả phân làm hai, một chúng đầu là chúng Đồng sinh, còn lại là chúng Dị sinh. Bởi vì luận Thập Địa nói: “Giải Thoát Nguyệt là chúng Đồng sinh.” Lại nói: “Chúng Đồng sinh thừa thĩnh, thì biết gồm có Địa tiền.” Biết rõ là không dựa theo địa vị, những cách giải thích khác..., không phù hợp với ý của luận.

Vì sao gọi là Đồng sinh-Dị sinh? Nhưng có hai nghĩa: Một gọi là tạp loại, bởi vì làm đủ loại hình tướng của các chúng sinh khác nhau; Bồ-tát đạt được thân pháp tánh, cho nên cùng với loài người làm một loại hình tướng của Bồ-tát. Hai là Bồ-tát giống nhau, bởi vì bao gồm các phần vị; Thân... là khác nhau, bởi vì đức sai biệt của pháp giới.

Bốn mươi chúng ấy, vẫn đều có ba: 1. Nêu ra số lượng phân rõ về chủng loại; 2. Nêu ra tên gọi kết luận về số lượng; 3. Thâu nhiếp đức đầy đủ trọn vẹn.

Trong đoạn lớn thứ nhất là chúng Đồng sinh.

Trong phần 1: Nêu ra số lượng phân rõ về chủng loại: Trước là phân rõ về số lượng; sau từ “Phật thế giới giả...” trở xuống là phân rõ về thế giới. Tóm lược có ba loại: a) Thế giới; b) Chủng; c) Hải.

Nay nói Thế giới thì không phải Chủng-không phải Hải, Quyền-Thật cùng chấp nhận, bởi vì một Tam thiên thế giới là cảnh giáo hóa của một Đức Phật, hoặc gọi là Phật sát-Phật độ, đều dựa theo đây. Vi trần, là bảy Cực vi làm hạn lượng, nghĩa là mài vụn Tam thiên thế giới cùng làm vi trần, một máy trần là một Bồ-tát, thì số lượng đã khó nghĩ bàn, hướng hồ đưa ra mười số để biểu thị cho vô tận hay sao? Bồ-tát

Ma-ha-tát, là phân rõ về chủng loại, tức là chọn lấy không phải những chúng còn lại. Nói đầy đủ là Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha Tát-đỏa, nay thuận theo tóm lược mà thôi. Nhưng có ba cách giải thích: Một: Bồ-đề là quả Phật đã mong cầu, Tát-đỏa là chúng sinh đã giáo hóa, tức là cảnh sở duyên của Bi-Trí, từ cảnh thiết lập tên gọi cho nên gọi là Bồ-tát. Hai: Bồ-đề là quả đã mong cầu, Tát-đỏa là người chủ động mong cầu, chủ động và thụ động hợp lại làm tên gọi, cho nên gọi là Bồ-tát. Ba: Tát-đỏa, Trung Hoa nói là Dũng Mãnh, nghĩa là dũng mãnh mong cầu đối với Đại Bồ-đề. Ma-ha nói là Đại, Đại có bốn nghĩa: Một: Nguyên Đại, bởi vì mong cầu Đại Bồ-đề; Hai: Hạnh Đại, bởi vì thành tựu Tự lợi và Lợi tha; Ba: Thời Đại, bởi vì trải qua ba Vô số kiếp; Bốn: Đức Đại, bởi vì đầy đủ các công đức của Nhất thừa. Hai loại trước bao gồm Địa tiền, hai loại sau có lẽ chỉ riêng Địa thượng. Lại có các Đại cũng không ra khỏi bốn Đại này. Như vậy đều là quyền thuộc bên trong của Phật Xá-na, chuyển động hay dừng lại luôn luôn thuận theo, cho nên nói là cùng nhau vây tròn xung quanh.

Trong phần 2: Từ “Kỳ danh...” trở xuống là nêu ra tên gọi kết luận về số lượng: Trước là nêu ra tên gọi ấy; sau là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng.

Phần trước là nêu ra tên gọi ấy: Thánh nhân không có tên gọi nhưng vì chúng sinh mà thiết lập tên gọi, tuy có được tên gọi sai khác mà phần nhiều dựa vào hạnh đức, hạnh đức đều đầy đủ mà tùy theo thích hợp nêu ra khác nhau. Trước là mười vị cùng tên gọi là Phổ, bởi vì hiển bày đầy đủ đức thuộc tướng tổng quát của pháp giới; sau là mười vị khác tên gọi, bởi vì hiển bày đầy đủ đức thuộc tướng riêng biệt của pháp giới. Tướng tổng quát và riêng biệt dung hòa cùng một pháp giới.

Nay trước là mười vị tên gọi là Phổ, là Phổ tổng quát của riêng biệt; sau là mười vị khác nhau, hiển bày ngay nơi Phổ mà có thể riêng biệt, nghĩa của Phổ mới thành tựu. Đây là chư Phật xưa nay, cùng thực hành hạnh của Phổ Hiền, tùy theo các phần vị sai biệt không giống nhau, dù cho thành tựu Chánh giác, mà cũng thuộc về hạnh của Phổ Hiền, cho nên trước tiên trình bày về hạnh ấy.

Nói đến Phổ Hiền, Thể tánh rộng khắp mọi nơi gọi là Phổ, tùy theo duyên thành tựu đức gọi là Hiền; đây là dựa theo Tự Thể. Lại vòng quanh cứu giúp không có gì sót gọi là Phổ, cuối cùng gần bên cạnh Á Thánh gọi là Hiền; đây là dựa theo Phổ Hiền thuộc các phần vị. Lại đức rộng khắp pháp giới gọi là Phổ, hết sức thuận theo pháp thiện điều phục gọi là Hiền; đây là dựa theo Phổ Hiền ngay nơi phần vị. Lại quả

không có gì không cùng tận gọi là Phổ, không rời bỏ môn của nhân gọi là Hiền; đây là dựa theo Phổ Hiền ở sau Phật. Phổ Hiền trong phần vị thì Bi-Trí cùng vận dụng, Phổ Hiền ở sau Phật thì Trí hải đã đầy đủ, mà vận dụng Bi ngay nơi Trí, Tịch mà thường Dụng cùng tận thời gian vị lai. Lại một tức là tất cả gọi là Phổ, tất cả tức là một gọi là Hiền; đây là dựa theo thâm nhiếp dung thông. Sở dĩ nêu ra trước tiên là bởi vì Thượng Thủ, bởi vì Chủ của pháp môn, bởi vì Thể của pháp giới, bởi vì tất cả Bồ-tát không có vị nào không nương theo, bởi vì không có một Như Lai nào không thành tựu hạnh này. Khiến cho những người nghe, nhìn thấy Như Lai Tạng tánh trong tự thân mà thực hành hạnh của Phổ Hiền. Trên đây tuy nhiều nghĩa mà tách ra giải thích.

Nay từ tên gọi riêng biệt hợp lại để giải thích. Không có nơi nào không Hiền gọi là Phổ Hiền, tức là Thể rộng khắp. Một tên gọi này là tổng quát, chín tên gọi còn lại là riêng biệt. Hai là Đức Phổ, nghĩa là đức xứng với tánh đầy khắp pháp giới, bởi vì là thù thắng nhất, cho nên soi chiếu rõ ràng không sót lại gì, như ánh sáng của ngọn đèn. Ba là Tuệ Phổ, bởi vì soi chiếu rộng khắp làm trang nghiêm quốc độ, cho nên quyết định cao vượt lên. Bốn là Hạnh Phổ, bởi vì hạnh bên trong tròn vẹn thanh tịnh, ánh sáng của Trí soi chiếu bên ngoài, cho nên gọi là Diệu. Năm là Âm Phổ, bởi vì đầy đủ tất cả các âm thanh, cho nên thuyết giảng về hạnh sâu rộng cao vượt lên ở Tịnh độ của Phật. Sáu là Trí Phổ, bởi vì soi chiếu cảnh vô tận thuộc pháp giới của Phật. Bảy là Tâm Phổ, bởi vì vật báu của Trí trang nghiêm trên đỉnh cao của tâm, cho nên hoa như Thông-Hạnh... cao vượt ra ngoài sự biểu hiện của chúng sinh. Tám là Giác Phổ, bởi vì hiểu rõ tất cả tánh tướng, âm thanh đều làm cho căn cơ vui sướng, cho nên không có ai không quy phục. Chín là Phước Phổ, bởi vì không có chướng nào không thanh tịnh, cho nên phù hợp với Chân vô tận. Mười là Tướng Phổ, bởi vì tướng ánh sáng không có tướng của ánh sáng, cho nên khắp nơi làm lợi ích cho chúng sinh. Sáu tướng viên dung nên suy nghĩ!

Sau từ “Hải Nguyệt...” trở xuống là mười vị Bồ-tát khác tên gọi: Một: Hải Nguyệt Quang Đại Minh, mười đức-mười núi đều dựa vào biển rộng, mười Địa-mười Độ đều dựa vào trí Phật; giữa biển nhìn trăng trong sáng mà lại sâu xa, dựa vào Trí trang nghiêm quốc độ sâu xa mà lại trong sáng, như biển tức là Đại, như trăng tức là Minh, cho nên dùng làm tên gọi. Hai: Thuyết giảng như sấm động cho nên nói là Vân Âm, biện tài nhanh nhạy lưu loát giống như ánh sáng trên biển, lại trên biển có ánh sáng chân trời không ranh giới, trí Phật khởi Dụng một niệm

rộng khắp mọi nơi, làm sạch hoặc nghiệp đến vô cùng gọi là Vô Cấu Tạng. Ba: Tu sửa hai trang nghiêm giống như vật báu thanh tịnh, bí mật cao xa hiển bày cho nên có Kế Ngôn. Bốn: Pháp Vương xuất hiện tác dụng tự tại, hai trang nghiêm viên mãn là Công Đức Quang. Năm: Dừng mãnh giáo hóa chúng sinh mà không nhiễm theo tướng giáo hóa, mưa pháp huyền diệu như cỏi viên ngọc giữa búi tóc. Sáu: Vầng mây Từ và mặt trời Trí chiếu rọi giúp đỡ lẫn nhau, trải qua đời kiếp ứng hiện khắp nơi cao vượt lên như cột cao. Bảy: Trí tuệ kiên cố sắc bén đi cùng với Tinh tiến, cho nên có thể phù hợp với Đại Trí làm gốc của hạnh, hoặc là cùng nhau làm nhân của thọ mạng. Tám: Hạnh như Giới... phát ra thì trở thành lửa thơm, Chứng trí cao vượt thẳng lên phía trên cho nên gọi là Quang Tràng. Chín: Ánh sáng của Trí soi chiếu khắp nơi là Đại Minh Đức, xứng với Chân-vừa ý chúng sinh gọi là Thâm Mỹ Âm. Mười: Đại Trí phát ra ánh sáng soi chiếu khắp nơi cảnh Phật, khiến cho phước thuộc tướng của phước-không phải phước cũng xứng với Đại.

Phần sau từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng.

Trong phần 3: Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là thâm nhiếp đức đầy đủ trọn vẹn, có hai: Một: Riêng biệt ca ngợi về đức thù thắng; Hai: Tổng quát kết luận về nhiều môn.

Trong phần một cũng có hai: Đầu là hai câu dựa vào duyên để ca ngợi; sau là những câu còn lại dựa vào hạnh để ca ngợi.

Đầu là hai câu dựa vào duyên để ca ngợi: Câu đầu là nhân trước kia cùng thực hành, hiển bày về chủ-bạn có nguyên do; câu sau là sinh ra từ biển đức trình bày về sinh ra để làm phụ tá.

Câu đầu nói đến Tỳ Lô Giá Na: Tỳ tức là rộng khắp, Lô Giá Na là nghĩa của ánh sáng soi chiếu; trở lại dựa vào ngôn ngữ của phương này, thuận theo nói là Quang Minh Biến Chiếu. Nhưng có hai nghĩa: Một là ánh sáng của thân soi chiếu rộng khắp, tận cùng hư không cho đến vô lượng thế giới (trần đạo). Hai là ánh sáng của trí soi chiếu rộng khắp Chân-Tục trùng trùng pháp giới. Thân-Trí, chủ động-thụ động hợp lại làm một thân, tròn vẹn sáng ngời một mình soi chiếu, đầy đủ vô biên đức, cho nên thiết lập danh hiệu này.

Lại Tỳ là nghĩa về đủ loại, Lô Giá là nghĩa về chướng ngại, Na là nghĩa về không còn-nghĩa về hòa vào, tức là đủ loại chướng ngại không còn, đủ loại công đức tròn vẹn. Vì vậy kinh Phổ Hiền Quán nói: “Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô Giá-na rộng khắp tất cả mọi nơi, tức là thân cũng rộng khắp, không phải chỉ riêng ánh sáng rộng khắp.” Lại

nói: “Trú xứ của Phật ấy gọi là Thường Tịnh Quang, ngay nơi quốc độ cũng là ánh sáng.” Lại nói: “Do Thường Ba-la-mật mà thâm nhiếp thành tựu nơi chốn, do Ngã Ba-la-mật mà an lập nơi chốn, tức là nghĩa về đức tròn vẹn.” Lại nói: “Tịnh Ba-la-mật diệt trừ nơi chốn của Hữu tướng, tức là nghĩa về chướng ngại không còn.” Lại nói: “Lạc Ba-la-mật không trú vào nơi chốn thuộc tướng của thân-tâm, không thấy nơi chốn thuộc tướng của các pháp có hay không có, tức là nghĩa về chứng nhập.” Lại nói: “Như Tịch giải thoát cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, vốn là pháp thường trú của Sắc, cho nên rõ ràng đều ngay nơi Ứng-ngay nơi Chân là Bốn Sự.” Văn chứng minh về kinh này đến phẩm chính sẽ phân rõ.

Nói cùng nhau tích tập thiện căn, tức là đầy đủ tư lương của đạo. Nói tu tập công hạnh Bồ-tát, tức là làm những việc cần làm. Vì sao cùng nhau tích tập? Bởi vì làm chủ-bạn lẫn nhau. Chủ bạn có ba: Một là chủ-bạn hồi hướng; Hai là chủ-bạn đồng hạnh; Ba là chủ-bạn như tướng. Đều gọi là cùng nhau tích tập.

Câu sau nói từ biển thiện căn sinh ra, nghĩa là đức của Phật vô biên, tích tụ vật báu là pháp vi diệu, Trí-Định đầy đủ, cho nên gọi là biển. Thuận theo sinh ra có bốn: Một là từ biển thiện căn của Phật nơi chính mình sinh ra, nghĩa là đã trọn vẹn mười thân. Hai là từ biển của Bốn Sự sinh ra, bởi vì Phật là duyên thù thắng, đã từng thâm nhiếp tiếp nhận, trao truyền giáo pháp, khiến cho công hạnh được thành tựu đầy đủ. Ba là cùng với Giá-na cùng ở tại biển của Phật khác sinh ra, bởi vì trên đây nói là cùng nhau tích tập. Bốn là từ biển của Phật thuộc pháp tánh sinh ra, bởi vì biển đức của chư Phật trên đây cùng giống nhau, bình đẳng một vị, chỉ phù hợp với tánh tu thì đều thuận theo sinh ra, không phân biệt Tự-Tha. Bản tiếng Phạn nói là cùng với Phật cùng chung một biển thiện căn sinh ra.

Sau từ “Chư Ba-la-mật...” trở xuống là dựa vào đức của hạnh để ca ngợi: Nói đến Đại Sĩ, nhất định phải là Đức cao vời-Nghiệp rộng lớn-Tâm rộng rang-Thân ở ngoài. Đức cao vời cho nên tiến lên đầy đủ quả Phật. Nghiệp rộng lớn cho nên công hạnh đầy khắp pháp giới. Tâm rộng rang cho nên Trí tuệ rộng khắp vạn pháp mà không làm gì. Thân ở ngoài cho nên công lao truyền đến thời gian vị lai mà không dừng lại. Vì vậy đức khó mà gọi tên. Sơ lược phân làm ba: Một: Trình bày về đức của hạnh thuộc nhân Tự phần; Hai: Đức của hạnh thuộc quả Thắng tiến; Ba: Đức vô ngại của hai hạnh.

Phần một cũng có ba: 1. Tròn vẹn hạnh Tự lợi; 2. Đầy đủ hạnh

Lợi tha; 3. Cuối cùng phần vị Chứng lý.

1) Tròn vẹn hạnh Tự lợi có ba câu:

Câu một: Tròn vẹn hạnh của các Độ, nghĩa là sáu Độ-mười Độ-tám vạn bốn ngàn Độ, nhiều kiếp tích tập đến cuối cùng đầy đủ Sự-Lý, cho nên nói là viên mãn.

Câu hai: Từ “Tuệ nhãn...” trở xuống là mười Nhãn phân biệt rõ ràng gọi là Tuệ. Nhìn thấy rõ ràng gọi là Nhãn, chướng ngại ấy không còn, Trí không có gì không nhìn thấy, cho nên nói là rõ ràng thấu suốt. Trong năm Nhãn thì Tuệ nhãn quán sát về Lý, Lý không có vị khác nhau, cho nên nói là Đẳng quán. Trong mười Nhãn thì Tuệ nhãn quán sát về Sự, Sự không có gì không nhìn thấy, cho nên gọi là Đẳng quán. Vậy thì nhìn thấy rõ ràng Sự ấy là sáng tỏ, thông hiểu sâu xa Tánh ấy là thấu suốt. Muốn dùng một Nhãn hàm chứa các pháp đầy đủ tất cả Sự-Lý, cho nên chỉ nêu ra Tuệ nhãn ấy.

Câu ba: Từ “Ư chư...” trở xuống là Định sâu xa đã đầy đủ. Tam-muội, Trung Hoa nói là Đẳng Trì, bởi vì xa lìa hôn trầm-trạo cử, giữ tâm bình đẳng, hưởng về một cảnh, mà nói là Chư, là bởi vì các duyên còn lại ấy cũng cùng một cảnh, Tam-muội Chân Như là Thể của Định ấy, tùy theo cảnh tiến vào trần số riêng biệt theo nhiều cách, cho nên nói là Chư. Về không gian thì không có Định nào không tận cùng, về thời gian thì đi sâu vào không có giới hạn, cho nên nói là đầy đủ; chướng ngại của Định vĩnh viễn không còn, cho nên nói là thanh tịnh.

2) Từ “Biện tài...” trở xuống là đầy đủ hạnh Lợi tha, có ba câu tức là ba Luân giáo hóa làm lợi ích:

Câu một: Ngữ nghiệp hàm chứa bốn Biện tài, tức là Chánh giáo luân, Biện nghĩa là khéo léo hiển bày về Lý sâu xa, Tài nghĩa là khéo léo thích ứng với cơ nghi, vạn pháp đều phát triển thì rộng lớn không có bến bờ, ngàn vạn nạn đối đáp khác nhau thì không có gì cạn kiệt, vốn là như biển. Lại biển gặp gió làm duyên thì sóng trào mây tuôn, Trí gặp cơ thừa thỉnh thì miệng biện giải như sóng cuộn, sự thừa thỉnh đã có thể vô biên, sự biện giải cũng rộng lớn vô tận.

Câu hai: Từ “Cụ Phật...” trở xuống là thân nghiệp thuộc về Thần thông luân, nghĩa là ba nghiệp không có sai lầm, Trí sâu xa không thể ngăn cản, bởi vì đầy đủ công đức của Phật, cho nên có được oai nghi trang trọng bên ngoài, hòa nhã nghiêm túc đáng kính.

Câu ba: Từ “Tri chúng sinh...” trở xuống là ý nghiệp thuộc về Kỳ tâm luân, nghĩa về Căn là tổng quát trình bày, văn hàm chứa Tánh-Dục. Nói là như thích hợp, bởi vì Căn có thuần thực-chưa thuần thực (sinh-

thực) mà giáo hóa không mất thời cơ, Khí có rộng lớn-bé nhỏ mà trao truyền giáo pháp không có sai lầm. Hóa nghĩa là giáo hóa, tức là người cần phải thâm nhiếp tiếp nhận mà thâm nhiếp tiếp nhận họ. Phục nghĩa là điều phục, tức là người cần phải làm cho khuất phục mà làm cho họ phải khuất phục. Từ đó đầy đủ hạnh mà tiến vào Chánh pháp.

3) Từ “Nhập pháp giới tạng...” trở xuống là cuối cùng phần vị Chứng lý, có ba câu:

Câu một: Chứng pháp thuộc Lý, nghĩa là dùng Đại Trí chứng thực tiến vào Tạng pháp giới chân thật bình đẳng. Dựa vào luận Phật Tánh nói có năm Tạng: “1. Như Lai Tạng, nghĩa là còn trong ràng buộc mà hàm chứa pháp của quả. 2. Tự tánh thanh tịnh Tạng, nghĩa là còn trong ràng buộc mà không nhiễm ô. 3. Pháp thân Tạng, nghĩa là phần vị của quả làm chỗ dựa của công đức. 4. Xuất thế gian thượng thượng Tạng, nghĩa là ra khỏi ràng buộc, vượt qua Bồ-tát Nhị thừa. 5. Pháp giới Tạng, nghĩa là bao gồm nhân quả, bên ngoài duy trì tất cả các pháp hữu vi nhiễm-tịnh, cho nên gọi là pháp giới; bên trong hàm chứa tất cả hằng sa tánh đức, cho nên lại gọi là Tạng.” Nghĩa này rộng rãi thông suốt, cho nên nay chứng thực tiến vào.

Nói đến Trí vô sai biệt, là Tạng đã chứng bình đẳng, chủ yếu là không có phân biệt thì mới phù hợp với Trí này, bởi vì Trí tự nhiên không có khác nhau, tức là do nghĩa trên đây mà chủ động-thụ động không khác nhau. Lại Trí chủ động chứng nhập này cùng với Tạng đã chứng nhập sâu xa hợp lại làm một vị, không có khác nhau về Cảnh-Trí, cho nên nói là không có khác nhau. Ở đây lại có hai: a) Vô tướng giống nhau, văn sau kinh nói: Không có một pháp nào là do Trí mà tiến vào, cũng không có một Trí nào mà tiến vào pháp. b) Pháp giới giống nhau, bởi vì chủ động-thụ động đều thâm nhiếp toàn bộ lẫn nhau, cho nên văn sau nói: Không có Như nào ngoài Trí là do Trí mà tiến vào, bởi vì Trí thâm nhiếp toàn bộ Như; cũng không có Trí nào ngoài Như mà có thể chứng được Như, bởi vì Như hoàn toàn thâm nhiếp Trí. Nếu đều là một vị, thì lẽ nào làm cho Trí giống như Cảnh mà không có Trí hay sao? Cổ đức giải thích rằng: “Bởi vì tướng của Trí không còn, không có gì có thể làm cho tướng của Trí không còn, cho nên không thể không có. Không như vậy thì lẽ nào làm cho các tướng đều không còn mà Trí tồn tại một mình hay sao? Vì vậy đối với Cảnh thì không ngăn ngại Chân mà luôn luôn Tục, đối với Trí thì không ngăn ngại Tịch mà luôn luôn Chiếu, tức là Cảnh và Trí không phải một; Cảnh thì không ngăn ngại Tục mà luôn luôn Chân, Trí thì không rời bỏ Chiếu mà luôn luôn Tịch,

tức là Cảnh và Trí không phải khác; Cảnh thì Không-Hữu không hai, Trí thì Tịch-Chiếu cùng dung thông, cho nên nói là không có gì sai biệt.” Trên đây đã giải thích, dựa theo Chân lý vắng lặng rỗng rang (Tịch liêu) cùng với vắng lặng tận cùng (Chỉ tịch) thuận theo nhau, Tục để lưu động cùng với Quán chiếu thuận theo nhau. Trong luận Khởi Tín... lại vì cách giải thích này, chưa tận cùng nguồn gốc ấy, bởi vì khiến cho soi chiếu Chân thì không có thể gọi là Chiếu, lúc soi chiếu Tục thì không có thể ngay nơi Tịch. Nay chính thức giải thích, nghĩa là nói đến Dụng thì giống mà khác, bởi vì Cảnh không có thể soi chiếu mà Trí vốn có soi chiếu; nói đến Tịch thì khác mà giống, bởi vì Cảnh-Trí không có vị khác nhau. Giống nhau bởi vì không có tâm đối với nơi này-nơi kia, quên tâm cho nên khế hợp; khác nhau bởi vì không mất đi công dụng đối với soi chiếu. Bởi vì Trí khác với gỗ đá, cho nên gọi là Chân Trí Chứng Lý, Cảnh thì chỉ có Tịch, Trí thì Tịch mà thường Chiếu. Nếu dựa theo soi chiếu Tục, thì bởi vì Hậu đắc trí soi chiếu Cảnh sai biệt. Nếu dựa theo dung thông Chân-Tục, thì Cảnh là Chân-Tục không hai, Trí là Quyền-Thật cùng thực hành, cũng là một vị mà không mất đi tận cùng, bởi vì tuy cùng thực hành mà ngay nơi Tịch. Nếu dựa theo ba Quán và Cảnh-Trí dung thông, thì đến phần sau sẽ phân rõ.

Câu hai: Từ “Chứng Phật...” trở xuống là trình bày về chứng được pháp của quả: Nói đến Giải thoát, nghĩa là tác dụng tự tại, như phẩm Bất Tư Nghị Pháp nói: “Ở trong một niệm kiến lập tất cả Phật sự của ba đời...” Tổng quát có mười loại, rộng ra như phẩm ấy nói. Bởi vì ngay nơi Dụng mà Chân, Dụng rất sâu xa không có bờ bến, rộng lớn tận cùng giới hạn ấy, cho nên nói là Chứng.

Câu ba: Từ “Năng tùy...” trở xuống là trình bày về đạt được phần vị cuối cùng, nghĩa là thân của Phổ Hiền rộng khắp nơi sáu phần vị, tùy theo ở một phần vị, dùng lực của Nguyện hải mà duy trì tất cả. Vì vậy bản kinh xưa kia nói: “Ở nơi một Địa, thâm nhiếp rộng khắp công đức của tất cả các Địa...” Nay văn này thuận theo Tây Vực. Nếu thuận theo Trung Hoa thì nên nói: Có thể dùng phương tiện tùy theo tiến vào một Địa, dùng lực của Nguyện hải để thâm nhiếp duy trì tất cả các Địa. Nhưng có nơi dẫn ra bản tiếng Phạn mở rộng trình bày, số câu trong này tách ra và hợp lại không giống nhau, không nhất định phải như vậy. Vì sao? Bởi vì dịch từ tiếng Phạn trở thành văn nhà Đường quả thật là không dễ dàng, nếu như văn ít hai bên mà coi trọng đối với ý nghĩa thì cũng không trái với phần giữa; nếu lý không có thể thông suốt, thì đích thực dùng đến bản tiếng Phạn, ý người dịch tiếp cận thì thông hiểu, bởi

vì bản kinh xưa kia ngôn từ khác mà ý nghĩa giống nhau, đâu cần phải mở rộng dẫn ra.

Nói là luôn luôn đi cùng với Trí, là trình bày về Trí tận cùng thời gian vị lai, văn hàm chứa hai nghĩa: a) Hưởng về phía trước, nghĩa là tuy một Địa còn trong nhân, mà Nguyên lực duy trì công đức của tất cả các Địa, đều đi cùng với Trí tận cùng thời gian vị lai, không lìa xa một Địa; như một Địa, các Địa còn lại cũng như vậy. Vì vậy, môn của nhân tận cùng vị lai, luôn luôn là tất cả các phần vị, Bồ-tát không nhìn thấy lúc làm Phật. b) Hưởng về phía sau, dùng Đại Trí tận cùng thời gian vị lai, tiến vào biển quả của Như Lai. Tuy có hai nghĩa, mà thuận theo nghĩa thù thắng trước đây.

Phần hai: Từ “Liễu đạt...” trở xuống là trình bày về Đức của hạnh thuộc quả Thắng tiến, phân hai: 1. Đạt được pháp của quả; 2. Phát khởi Dụng của quả.

Phần 1: Đạt được pháp của quả, có bốn câu:

Câu một: Tiến vào cảnh giới bí mật của Phật, ở đây có hai ý: a- Phật tức là cảnh giới bí mật, bởi vì đầy đủ nghiệp thuộc ba nghiệp, không phải gì khác mà suy lường được. Nghĩa là không phải Sắc mà hiện rõ Sắc, Ma-ni không có thể dụ cho số nhiều ấy; không phải Lượng mà hiện rõ Lượng, thuận theo duy trì không có thể tận cùng đỉnh cao ấy; không phân ra mà rộng khắp, một-nhiều không đủ để khác với Thể ấy; tất cả pháp làm thân, một mảy lông không có thể tận cùng giới hạn ấy; đây là Thân bí mật. Âm thanh-ngôn ngữ của Phật cũng không phải gần-không phải xa, Mục-kiền-liên tìm kiếm không có ranh giới, Thân Tử đối diện mà không nghe; không phải Tự-không phải Tha, như trống trời không biết từ đâu vọng đến, giống như âm vang trong hang vắng mà thuận theo phát ra, biến pháp không ranh giới mà cuộn lại ở trong một lời, âm thanh tròn vẹn không ở bên trong mà mở ra bao gồm vạn loại; đây gọi là Khẩu bí mật của Phật. Ý thì vô tư mà thành tựu sự việc, Đẳng giác hãy còn không thể nào nhận biết. Vô cùng bí mật, đều rộng lớn không bờ bến, siêu tuyệt đặc biệt kỳ lạ, cho nên nói là hiếm có. b- Cảnh giới bí mật của Phật tức là Nhất thừa, Tri kiến-Thiền định-Giải thoát của Như Lai, lúc đi sâu vào cảnh giới của Đế võng không có ranh giới mới thuyết giảng, cho nên nói là hiếm có. Yếu chỉ này im lặng lâu dài, thật là bí mật. Vả lại, Quyền-Thật ẩn hiện chỉ có Phật mới nhận biết, cho nên nói là bí mật. Nay nhìn thấu nguồn gốc ấy, cho nên nói là thông hiểu rõ ràng.

Câu hai: Từ “Thiện tri...” trở xuống là hòa vào pháp bình đẳng của

Phật, cũng có hai ý: a) Phật và Phật bình đẳng, nghĩa là tất cả chư Phật, Thể tánh bình đẳng bởi vì Pháp thân không hai, Trí tuệ bình đẳng bởi vì đức không có tăng giảm, Dụng bên trong bình đẳng bởi vì Bi nguyện ứng với tất cả. b) Pháp mà Phật đã chứng được bình đẳng, tức là Đệ nhất nghĩa. Hai ý này không hai, phù hợp với ý này mà hiểu rõ, cho nên gọi là khéo léo nhận biết.

Câu ba: Từ “Đĩ tiển...” trở xuống là trình bày về đạt được phần vị của Phật, nghĩa là Phật có mười Địa, như kinh Đại Thừa Đổng Tánh nói: “Một là rất sâu xa khó nhận biết, mở rộng trình bày về Trí đức của Địa, cho đến thứ mười gọi là Tỳ Lô Giá Na Tạng Hải Trí Địa.” Mười Địa này cùng là Phật địa, dựa theo Đức Dụng mà trở thành riêng biệt. Nay Phổ Quang Minh là Địa thứ nhất trong mười Địa ấy, Phổ tức là nghĩa về rộng lớn, Quang Minh tức là trình bày về rất sâu xa khó nhận biết. Văn này tuy tóm lược, nhưng nghĩa ở trong Phổ, nêu ra phần đầu thâu nhiếp phần sau, Lý thật đều trải qua. Lại Phổ Quang Minh cũng là tổng quát của mười Địa, bởi vì tổng quát không ra ngoài ánh sáng trí tuệ của pháp rộng khắp.

Câu bốn: Từ “Ư nhập...” trở xuống là chứng được Tam-muội của Phật, nghĩa là các Định như Hải Ấn..., đều sâu rộng như biển, cùng nối thông với một Thật, cho nên có thể gọi là Môn.

Phần 2: Từ “Ư nhất thiết...” trở xuống là trình bày về phát khởi Dụng của quả, văn có ba nghiệp: a) Hiện bày thân nghiệp của Phật để Đổng sự khắp nơi thế gian; b) Cùng chung ý nghiệp của Phật duy trì toàn bộ Đại pháp; c) Đạt được ngữ nghiệp của Phật có thể chuyển Pháp luân. Không lui sụt có bốn: Một: Xứng lý không lui sụt, bởi vì không thay đổi thuyết giảng; Hai: Ứng cơ không lui sụt, bởi vì không phát khởi hư rộng; Ba: Lợi ích không lui sụt, bởi vì nghe rồi quyết định; Bốn: Điều phục không lui sụt, bởi vì Thiên ma-ngoại đạo không thể nào lay động. Lại có bốn loại không lui sụt, đó là Tín-Vị-Chứng-Niệm. Nay là Niệm không lui sụt thứ tư.

Phần ba: Từ “Nhất thiết Như Lai...” trở xuống là Đức vô ngại của hai hạnh, nghĩa là dẫn dắt thâu nhiếp đức của Phật mà không ngăn ngại tu nhân, văn có năm câu: 1. Dẫn dắt thâu nhiếp đức của Phật, nhưng có hai nghĩa: Một là hạnh thành tựu thâu tóm quả; hai là chư Phật cùng gia hộ. 2. Từ “Nhất thiết...” trở xuống là thuận theo Phật sinh khắp mọi nơi, không chọn lựa Tịnh độ hay Uế độ. 3. Từ “Đĩ tăng...” trở xuống là cúng dường chư Phật tích tập phước đức, mười phương không ranh giới-ba đời không giới hạn, đây là tất cả chư Phật đều cúng dường, vui mừng

có duyên được gặp mà không trú vào tướng của phước, cho nên trải qua thời gian lâu dài không hề chán bỏ. 4. Từ “Nhất thiết...” trở xuống là luôn luôn làm phụ tá, nghĩa bao gồm Chân thân-Ứng thân. 5. Từ “Hằng dĩ...” trở xuống là Bi nguyện điều phục chúng sinh, không thể thiên về Tiểu thừa để làm lợi ích chúng sinh, chỉ dùng Đồng Thể Phổ Nguyện thân nhiếp chúng sinh, khiến cho chúng được Bồ-đề, mới hiển bày Thế tròn vẹn đầy đủ của Trí.

Phần kế: Từ “Thành tựu...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn, không đạt được mà phù hợp. Đức của Bồ-tát thì ngôn từ không thể nói đầy đủ, nên dùng tương tự để chọn lấy, cho nên nói là Vô lượng như vậy.

Trong đoạn lớn thứ hai là chúng Dị sinh. Toàn bộ ba mươi chín chúng thuận theo nhau phân làm ba: Thứ nhất: Chúng thuộc các Thần trong nhiều chủng loại; Thứ hai: Từ “A-tu-la...” trở xuống là chúng thuộc Bát Bộ-Tứ Vương; Thứ ba: Từ câu: “Tam thập tam thiên...” trở xuống là chúng thuộc chư Thiên cõi Dục-Sắc.

Thứ nhất: Chúng thuộc các Thần trong nhiều chủng loại, có mười chín chúng, tất cả gọi là Thần, bởi vì linh thiêng kỳ diệu không lường được. Văn đều có ba phần: 1. Nêu ra số lượng phân rõ về chủng loại; 2. Nêu ra tên gọi kết luận về số lượng; 3. Thân nhiếp đức đầy đủ trọn vẹn.

Một: Chúng thuộc Kim Cang Thần:

Trong phần 1: Nêu ra số lượng phân rõ về chủng loại: Bởi vì nắm giữ cái chày này để bảo vệ Đức Phật. Nhưng mỗi một loại đều tổng quát có sự biểu thị, như đất(Địa) là biểu thị cho tâm địa, biển (Hải) biểu thị cho đức hải... Xem phần ca ngợi về đức ấy thì biết rõ ý tổng quát. Nay ở đây biểu thị cho Bát-nhã kiên cố sắc bén, dẫn dắt các hành đi đến bờ giác ngộ.

Phần 2: Từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra tên gọi kết luận về số lượng, nhưng các chúng thiết lập tên gọi, đều tùy theo pháp môn đã đạt được, vì chúng sinh mà thiết lập tên gọi. Một: Na-la-diên, Trung Hoa nói là Kiên Cố, bởi vì thấy được diệu sắc của Phật đều không thể hủy hoại, cho nên nhận được tên gọi này. Hai: Nhìn thấy sợi lông nơi thân Phật, giống như vầng mặt trời hiện rõ đủ loại ánh sáng, nhanh chóng phá tan phiền não chướng ngại, cho nên tên gọi là Tràng. Ba: Nhìn thấy ánh sáng nơi thân Phật chiếu rọi che lấp tất cả, giống như núi Tu-di hiển bày ở biển rộng, các pháp Thần thông... như hoa nở rộ. Bốn: Âm thanh tròn vẹn tùy theo chủng loại, như sấm chấn động. Năm: Hiện tại làm

chủ thể gian, dùng căn tuyệt vời làm cho chúng sinh tỏ ngộ. Sáu: Ánh sáng trí tuệ thuyết giảng giáo pháp làm cho yêu thích. Bảy: Vật báu tô điểm cho tướng vi diệu, như hoa trang nghiêm cho cây, phương tiện cảnh tỉnh chúng sinh như tiếng sấm chấn động. Tám: Phước sâu dày-tướng vi diệu, ánh sáng chói lợi rực rỡ, như Sư tử chúa ở giữa mọi loài không hề sợ hãi. Chín: Ánh mắt hiền từ nhìn chúng sinh là ánh mắt tốt lành, ngọn lửa của thần thông bí mật hiện rõ trước mắt chúng sinh. Mười: Mưa xuống vật dụng trang nghiêm và ánh sáng rực rỡ này. Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về số lượng. Các chúng sau đều tương tự như vậy biết rõ, đến phần đạt được pháp, tên gọi sẽ tự hiển bày, sợ rằng văn phức tạp chán ngán, phần sau lược qua không giải thích.

Phần 3: Từ “Giai ư...” trở xuống là thâu nhiếp đức đầy đủ trọn vẹn, có mười câu phân hai: Đầu là hai câu tổng quát làm sáng tỏ về Nguyên-Hạnh, nhờ vào Nguyên lực xưa kia mà được dự vào pháp hội, thường được gân gũ hầu hạ; nhờ vào ngày nay thực hành đầy đủ, cho nên có thể hầu hạ khắp nơi. Sau từ “Tích tập...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng đầy đủ: Một: Phước tích lũy về nghiệp thanh tịnh. Hai: Trí thông hiểu về cảnh của Định, cảnh của Định thuộc Sự tùy theo trăm ngàn Sự, cảnh của Định thuộc Lý tức là Thật tướng Chân Như, Định không thể nghĩ bàn thì bởi vì vô ngại mà làm cảnh ấy, nay đều là Trí soi chiếu cho nên nói là thấu triệt rõ ràng. Ba: Tất cả tùy theo Phật mà trú. Bốn: Hòa vào Dụng khó nghĩ bàn. Năm: Ở nơi chúng siêu tuyệt. Sáu: Thuận theo chúng sinh mà điều phục chúng sinh. Bảy: Tùy theo Phật mà hóa hiện hình tướng. Tám: Bảo vệ trú xứ của Phật. Văn đều có thể nhận biết.

Hai: Thần thuộc Thân Chúng, văn có ba giống như trước:

Phần 1: Nêu ra số lượng phân rõ về chủng loại, có hai nghĩa: Một: Thân nghĩa là tự thân của Thần, Chúng tức là cùng sinh-cùng tên, và những người tùy theo, hễ có một thì chắc chắn lại có hai, tổng cộng có ba, ba cho nên gọi là Chúng; chủ động-thụ động hợp lại làm tên gọi, gọi là Thần thuộc Thân Chúng. Hai: Dựa theo Chủ, nghĩa là Thần thuộc chủng loại này, chỉ dùng biến hóa nhiều thân mà làm Phật sự.

Phần 2: Nêu ra tên gọi, và **phần 3:** Thâu nhiếp đức, văn đều có thể nhận biết.

Ba: Thần thuộc Túc Hành, cũng có hai nghĩa: Một: Nghĩa là dựa vào chúng sinh đi lại bằng chân và bảo vệ, như Tỳ-kheo Thiện Kiến là Thần Túc Hành ở văn sau; cầm hoa nhờ vào chân, lưu luyến ngưỡng mộ Như Lai trong phần thâu nhiếp đức ở văn sau. Hai: Nơi mà chân đi lại,

tức là Thần Đạo Lộ, vốn tổng quát biểu thị cho sự tu hành, thực hiện theo công hạnh của Phật.

Bốn: Thần thuộc Đạo Tràng, từ nơi nương tựa-nơi bảo vệ mà được tên gọi, Chúng loại của các Thần sau này đều giống như ở đây. Nói đến Đạo Tràng, thì không những bảo vệ Đạo tràng của Phật, chỉ có nơi chốn của Đạo tràng trang nghiêm, mà còn bảo vệ ngay trong đó. Nguyên cớ dưỡng Phật trong phần thâm nhiếp đức ở văn sau, biểu thị cho sự bảo vệ Đạo tràng của vạn hạnh và người tu hành.

Năm: Thần chủ về Thành, biểu thị cho đức của hạnh phòng ngự thành trì của pháp-thành trì của tâm, như ở phần nói về Phu nhân Ma-da. Trong phần thâm nhiếp đức, dùng đức hạnh của mình để trang nghiêm cung điện của Phật: a) Cung điện của Phật là nơi giữ gìn đầu tiên, làm trang nghiêm đẹp đẽ vốn là tôn kính Phật; b) Thiện căn vốn là chủ-bạn dung hòa thâm nhiếp lẫn nhau; c) Làm trang nghiêm đẹp đẽ vốn là nơi an trú của Phật trong tự tâm.

Sáu: Thần chủ về Đất, biểu thị cho đức của hạnh vốn gánh vác Nguyên sâu nặng, cũng biểu thị cho tâm địa vốn là nơi nương tựa duy trì.

Bảy: Thần chủ về Núi, tổng quát biểu thị cho tánh thù thắng cao vời của vạn đức đều rộng rang vắng lặng, riêng biệt biểu thị cho Trí đức vốn cao nhất. Trong phần thâm nhiếp đức nói: Đạt được mắt thanh tịnh. Trong phần nêu ra tên gọi phần nhiều có nói đến ánh sáng.

Tám: Thần chủ về Rừng, biểu thị cho Trí vô lậu dẫn dắt các hành, mà kiến lập rậm rạp cao vút. Trong phần thâm nhiếp đức nói: Đều có ánh sáng rực rỡ đáng yêu.

Chín: Thần chủ về Thuốc, biểu thị cho đức của hạnh chế phục phiền não để làm lợi ích cho Pháp thân, nếu dựa theo Lợi tha thì ba nghiệp không trống rỗng, mà vốn như cây thuốc chúa. Sau trong phần thâm nhiếp đức nói tánh đều lìa xa cấu nhiễm, tức là chế phục phiền não-loại trừ mầm bệnh. Nhân Từ cứu giúp chúng sinh, tức là tiến vào pháp thiện-tăng thêm lợi ích. Trong phần nêu ra tên gọi, tổng quát gọi là Chủ về Thuốc, Thuốc đã không giống nhau, thì Thần và Thần khác nhau. Cát Tường là Chủ về chủng loại của Hương Mao (cây Sả). Ánh sáng rực rỡ thanh tịnh, đó là chủng loại của Nhũ Thạch (Sữa trong đá). Tên gọi nổi tiếng khắp nơi, như cây thuốc chúa-cỏ nhẵn nhục... ở núi Tuyết. Nhìn thấy rõ ràng mười phương, đó là thuốc về mắt..., dựa theo pháp chính xác.

Mười: Thần chủ về Hoa màu (Giá), hoa màu là các loại đậu mè

lúa gạo, biểu thị cho pháp vị của vạn hạnh cung cấp để làm lợi ích cho mình và người, người và mình lợi ích vốn xứng với tâm. Trong phần thâm nhiếp đức nói Đại Hỷ thành tựu.

Mười một: Thần chủ về Sông, tức là chủng loại Hà Bá, biểu thị cho dòng sông giáo pháp tuôn chảy làm lợi ích cho muôn loài. Lại cứu vớt chúng sinh đang chìm-nổi nơi dòng thác sinh tử. Giang-Hà-Hoài-Tế, trong-đục đều là sông, dòng chảy của pháp sinh tử đều do vị Thần này làm chủ. Trong phần thâm nhiếp đức, chịu khó làm lợi ích cho chúng sinh, nghĩa là gặp loài men theo dòng chảy thì sóng lặng nước dừng, gặp loài ngược theo dòng chảy thì gió nhẹ dễ dàng lay động. Loài bơi lội dưới nước, thì dừng nơi sâu xa mà cư trú. Loài đi lại trên đất liền, thì sự sống dồi dào mà thuận theo chọn lấy. Dẫn dắt trăm sông mà loại trừ tổn hại, tưới vào vạn khoảnh mà làm cho lợi ích. Vì thường xuyên tác ý làm lợi ích cho chúng sinh, dựa theo pháp đã biểu thị mà tùy ý làm cho mất đi hoặc là sinh trưởng.

Mười hai: Thần chủ về Biển, tức là chủng loại Hải Nhưặc, biểu thị hàm chứa đầy đủ vạn đức, tất cả đều sâu rộng. Trong phần nêu ra tên gọi có ba, gọi là Viễn Trần Ly Cấu, luận Du Già quyển thứ 86 nói: “Lìa xa hiện tại đoạn trừ phiền não vốn là Viễn Trần, lìa xa ràng buộc của Tùy miên ấy vốn là Ly Cấu.” Nay dựa theo sự việc gần, Trần nghĩa là trần cảnh, Cấu tức là phiền não, sáu căn đối với cảnh, hiểu rõ tánh ấy trống rỗng cho nên nói là Viễn Trần, mọi phiền não không hiện hành đích xác là Ly Cấu, tâm-cảnh dựa vào nhau, Ly Cấu bởi vì Viễn Trần.

Mười ba: Thần chủ về Nước, bao gồm nước sông-biển... trên đây, và mưa-móc-sương-tuyết..., biểu thị cho nước pháp vốn hàm chứa nhiều nghĩa lý như tưới thấm... Trong phần thâm nhiếp đức, cứu vớt chìm đắm là Cứu, cứu giúp nguy hiểm là Hộ, nghĩa là người đã chìm vào dòng nước tà kiến-tham ái thì cứu giúp họ, người sắp chìm thì bảo vệ họ mà làm lợi ích cho họ, tức là mây-mưa... tưới thấm làm phát sinh vạn vật. Pháp-Hợp có thể biết.

Mười bốn: Thần chủ về Lửa, tức là chủng loại Tống Vô Kị, dùng để hiển bày về ngọn lửa trí tuệ đốt cháy củi phiền não, thành thực phẩm thiện phá trừ bóng tối Vô minh mà thôi. Trong phần thâm nhiếp đức, nói đến lửa thì có hai công năng, một là có thể làm lợi ích, hai là có thể làm tổn hại. Nay vận dụng lợi ích để ngăn chặn tổn hại, biểu thị cho pháp cũng như vậy, nêu rõ ánh sáng của Tuệ mà loại bỏ bóng tối là vận dụng lợi ích, trừ diệt sự nóng bức phiền muộn của Hoặc khổ là ngăn chặn tổn hại.

Mười lăm: Thần chủ về Gió, tổng quát biểu thị không trú vào phương tiện thì không có gì không phá tan, riêng biệt biểu thị như văn sau.

Mười sáu: Thần chủ về Hư không, biểu thị cho pháp tánh rộng rang, riêng biệt tức là lìa xa cấu nhiễm rộng khắp..., cũng đều như phần nêu ra tên gọi phân rõ. Trong phần thâm nhiếp đức, nếu tình trần hỗn loạn khởi lên thì che lấp tánh vốn có của hư không, mặt trời trí tuệ lên cao thì mây tình tự nhiên cuộn lại, hư không xuất hiện mặt trời mà rộng rãi không ranh giới, Trí hợp với Lý mà im lặng không bến bờ, cho nên nói như vậy mà thôi.

Mười bảy: Thần chủ về Phương hướng, tức là chủng loại như Đông phương Thanh Đế..., biểu hiện rõ ràng về phương hướng góc cạnh của Tà-Chánh, khiến cho thực hành không mê lầm điên đảo. Trong phần thâm nhiếp đức, Thân Trí phát ra ánh sáng không có gì không dẫn dắt thâm nhiếp, cho nên gọi là phát ra rộng khắp, không có lúc nào không phát ra cho nên gọi là luôn luôn, như mặt trời vòng quanh bầu trời mà nối tiếp nhau không ngừng.

Mười tám: Thần chủ về Đêm, biểu thị cho bóng tối của Vô minh-đêm dài của sinh tử, dùng Trí tuệ sáng suốt để dẫn dắt làm cho biết rõ con đường đúng đắn. Trong phần thâm nhiếp đức, thời gian ban đêm quên ngủ nghỉ là nói thường xuyên tu tập vượt qua mê lầm lâu xa ấy, mà lấy pháp làm niềm vui.

Mười chín: Thần chủ về Ngày, ở thời gian ban ngày thâm nhiếp giáo hóa là hiển bày về đức của hạnh luôn luôn sáng tỏ. Trong phần thâm nhiếp đức, trước là tu tập Chánh Giải, sau là chịu khó thực hành Chánh Hạnh, có Tín mà không có Giải thì tăng trưởng Vô minh, có Giải mà không có Tín thì trở lại phát sinh tà kiến. Tín nhờ vào Giải thanh tịnh, Giải nhờ vào Tín sâu xa, là nghĩa của ban ngày.

Trên đây, phần nhiều là Chủ về Khí thế gian, cho nên chỉ gọi là Thần. Dựa theo bản tiếng Phạn thì trừ ra Thần Kim Cang, còn lại đều là Nữ Thần, bởi vì biểu thị cho yêu thương nuôi nấng. Bồ-tát giống như những chủng loại ấy để thâm nhiếp chúng sinh.

Từ đây trở xuống là thâm nhiếp dẫn dắt hữu tình, đều được gọi là Vương, đều là Trượng Phu.

Thứ hai: Chúng thuộc Bát Bộ-Tứ Vương, văn có tám đoạn: Trước là bốn đoạn về Tạp loại; sau là bốn đoạn về chủ động thống lãnh là Thiên Vương, thụ động thống lãnh là Bát Bộ.

Một: A-tu-la, cũng gọi là A-tố-lạc, chỉ là âm tiếng Phạn và âm

Sở Hạ mà thôi. Luận Bà Sa dịch là Phi Thiên, luận Phật Địa nói: “Do nẻo Trời thâu nhiếp, bởi vì nhiều hạnh nịnh bợ ton hót, không phải thật hạnh của chư Thiên, cho nên gọi là Phi Thiên.” Theo A Tỳ Đàm, cũng do nẻo quỷ thâu nhiếp, bởi vì nịnh bợ quanh co che lấp. Kinh Chánh Pháp Niệm nói do hai nẻo quỷ-súc sinh thâu nhiếp, bởi vì La-hầu A-tu-la là con của Sư tử. Kinh Già Đà nói do nẻo trời-quỷ-súc sinh thâu nhiếp, bởi vì đầy đủ như trên đã nói. Vì vậy, hoặc tách ra sáu nẻo, hoặc hợp lại làm năm nẻo. A-tu-la phần nhiều ưa thích đánh nhau, bởi vì ôm lòng thắng-bại, hoặc ở trong các cảnh núi rừng, hoặc ở dưới đáy biển, như kinh Chánh Pháp Niệm đã nói. Nhưng có Đại Lực, là bởi vì mở rộng về tu phước. Nay người tu phước mà có tâm nịnh hót, ôm lòng thắng-bại thì phần nhiều sinh trong loài ấy.

La-hầu, Trung Hoa nói là Nhiếp Não, bởi vì có thể dùng tay che kín mặt trời-mặt trăng, làm cho chư Thiên phiền muộn.

Tỳ-ma, Trung Hoa nói là Ty (sợi tơ), Chất-đa-la là đủ loại, nghĩa là vị Vương này có thể dùng một sợi tơ mà làm ra đủ loại sự việc huyền ảo. Trong phần thâu nhiếp đức: Thật thì nhân quả đều chậm, Quyền thì thuận theo chỉ phá bỏ sai trái chứ không đoạn trừ gì khác, cho nên nói đến.

Hai: Ca-lâu-la, xưa nói là Kim Sí, chính xác nói là Diệu Sí, bởi vì nơi cánh có đủ loại sắc quý báu trang nghiêm. Đây là dựa vào hình dạng mà dịch. Nếu đối dịch mà phiên dịch, thì Trung Hoa nói là Đại Tố Hạng, bởi vì thường mang theo Rồng ở trong điều của mình. Loài chim này có thể ăn hết cá-rồng và bảy báu. Nhưng chim và rồng đều có đủ bốn loại Sinh, đó là Noãn-Thai-Thấp-Hóa. Những loại sau hơn hẳn những loại trước, loại yếu kém không thể nào ăn thịt loại mạnh hơn, đó là chim sinh ra từ Noãn không thể nào ăn thịt chim sinh ra từ Thai.. Loại mạnh hơn có thể ăn thịt loại yếu kém, đó là chim Hóa sinh ăn thịt bốn loại Sinh, như kinh Tăng Nhất phân rõ. Bởi vì loài Hóa sinh ăn thịt loài Hóa sinh tạm thời được đầy bụng rỗng, cũng biểu thị cho Bồ-tát thâu nhiếp chúng sinh. Phẩm Ly Thế Gian nói: “Bồ-tát như loài Ca-lâu-la, như ý làm cho chân vững vàng, cho đến bắt lấy tất cả người-trời-rồng, đưa đến bờ Niết-bàn yên ổn.” Sức lực vô cùng nhanh chóng, trong kinh Tăng Nhất nói: “Loài chim này ăn thịt loài rồng, từ dưới cây Thiết Xoa trên đỉnh núi Kim Cang, lao vào biển bắt lấy rồng, trong thời gian nước chưa khép lại đã trở về lại cây này, quả là rất nhanh chóng.” Sức lực thâu nhiếp duy trì ở nơi biển rộng, tức là thâu nhiếp loài rồng sắp kết thúc mạng sống để ăn thịt, nhưng rồng thọ ba pháp Quy y và một sợi chỉ

của Ca-sa ở nơi thân thì không thể nào bắt được; Bồ-tát cũng như vậy, như trước dẫn ra phẩm Ly Thế Gian đã nói. Lại phẩm Xuất Hiện nói: “Bắt lấy chúng sinh thành thực thiện căn, đưa vào trong Phật pháp, đây là mạng sống kết thúc. Nếu tâm có Quy y tà vạy, do Đoạn kiến đã che lấp thì không thể nào bắt lấy.” Quán sát khắp nơi biển rộng, tức là vòng quanh Thế giới hệ (Tứ thiên hạ) để tìm kiếm rỗng sắp kết thúc mạng sống. Trong phần thâm nhiếp đức: Lực Đại phương tiện, tức là tuy hiểu rõ chúng sinh Không, mà có thể tiến vào Hữu, là mười Lực thuộc Chỉ-Quán. Khắp nơi có thể cứu giúp thâm nhiếp, tức là làm cho mặt nước Ái của biển rộng sinh tử dạt ra, bắt lấy chúng sinh thành thực thiện căn, như phẩm Xuất Hiện đã nói.

Ba: Khẩn-na-la, Trung Hoa nói là Nghi Thân, nghĩa là đỉnh đầu có một sừng, hình tướng quả là tựa như người, khuôn mặt rất đoan chánh, người nhìn thấy sinh lòng nghi ngờ, là người hay là không phải người? Vì vậy thiết lập tên gọi. Dựa vào luận Tạp Tâm thì do đường sức sinh thâm nhiếp. Cũng nói là Ca Thần, bởi vì có thể ca hát, là Thần chủ quản pháp Lạc của Thiên Đế, tức là quyến thuộc của Tứ Vương, biểu thị cho Bồ-tát thị hiện hình tướng của chúng sinh mà không phải chúng sinh, thường dùng pháp Lạc mà làm cho chúng sinh vui vẻ. Trong phần thâm nhiếp đức: Nếu như thường xuyên quán sát thì đạt được pháp Lạc, làm cho thân thái an lành, mình và người đều vui vẻ mà du hí tự tại.

Bốn: Ma-hầu-la-già, Trung Hoa nói là Đại Phúc Hành, tức là chủng loại Mãng xà, cũng biểu thị cho Bồ-tát thực hành rộng khắp tất cả mà không có gì thực hành. Trong phần thâm nhiếp đức: Chủng loại này vốn nghễnh ngãng ngốc nghếch, phương tiện làm cho rời bỏ ngu si.

Năm: Dạ-xoa Vương, một vị thứ nhất là Thiên Vương ở phương Bắc, tức là Tỳ-sa-môn. Nếu thuận theo chủ động dẫn dắt thì do Thiên chúng thâm nhiếp, nay thuận theo thụ động dẫn dắt làm tên gọi. Nhưng bốn Thiên Vương đều dẫn dắt hai Bộ, thuận theo một Bộ mà thiết lập tên gọi. Dạ-xoa, Trung Hoa nói là Khinh Tiệp, bởi vì bay giữa hư không vô cùng nhanh chóng; cũng nói là Khổ Hoạt. Vị Thiên Vương này lại dẫn dắt một Bộ gọi là La-sát, Trung Hoa nói là Khả Úy. Trong phần nêu ra tên gọi nói là Tỳ-sa-môn, Trung Hoa nói là Đa Văn, bởi vì danh tiếng của phước đức vang khắp bốn phương. Một vị này là Thiên, là vua của Dạ-xoa, chín vị còn lại là Dạ-xoa, Dạ-xoa tức là vua; tuy một vị là Thiên, mà lại thuận theo thụ động dẫn dắt, vả lại chín vị đều là Dạ-xoa, cho nên không phải Thiên chúng. Ba vị Thiên Vương sau ví dụ như

vậy. Như Sa-kiệt-la Vương trong loài Rồng, lẽ nào là Thiên hay sao? Trong phần thâu nhiếp đức: Chủng loại này bay giữa hư không mà ăn thịt người, vì vậy Bồ-tát thị hiện làm vua của chủng loại ấy, trở lại tăng thêm bảo vệ, cũng khiến cho La-sát Ái kiến không làm hại Tuệ mạng của Pháp thân.

Sáu: Long Vương, cũng một vị thứ nhất là Thiên, tức là Thiên Vương ở phương Tây. Tỳ-lâu Bác-xoa, Đường Tam Tạng dịch là Xú Mục, Tỳ-lâu là Xú, Bác-xoa là Mục. Tam tạng Nhật Chiêu dịch rằng Tỳ là Biển-là Đa, Lâu nói đầy đủ là Lỗ Ba, Trung Hoa nói là Sắc. Bác-ngật-xoa, Trung Hoa nói là Chư Căn, nghĩa là các căn như mắt... có đủ loại màu sắc, cho nên lấy làm tên gọi. Đây không nhất định là xấu xí. Vị Thiên Vương này làm chủ hai Bộ, đó là Rồng và Phú-đơn-na. Phú-đơn-na, Trung Hoa nói là Nhiệt Bệnh Quỷ. Sa-kiệt-la, Trung Hoa nói là Hải, bởi vì ở trong biển rộng, vị này là tôn quý nhất, cho nên một mình có được tên gọi ấy. Đức-xoa-ca, xưa nói là Đa Thiệt, bởi vì thích nói năng. Chính xác nói là chủ động làm hại đã làm hại đối với thụ động bị làm hại, Đức-xoa là chủ động làm hại, Ca là thụ động bị làm hại, nghĩa là nếu nổi giận-phì hơi-nhìn vào thì người và loài vật đều chết. Vô Nhiệt Não, tức là loài rồng ở hồ A-nậu-đạt. Các loài rồng có bốn loại nóng bức phiền muộn (nhiệt não), mà nay đều lìa xa. Bốn loại nóng bức phiền muộn đến phần sau sẽ giải thích. Trí Luận nói: “Rồng này là Bồ-tát Địa thứ bảy.” Kinh Tu Di Tạng nói: “Là Long Vương hình dạng loài ngựa. Lại tất cả loài Rồng tổng quát có năm loại hình dạng chủng loại: Một là hình dạng loài Voi, Long Vương Thiện Trú làm chủ; hai là hình dạng loài Rắn, Long Vương Nan-đà làm chủ; ba là hình dạng loài Ngựa, Long Vương A-na-bà Đạt-đa làm chủ; bốn là hình dạng loài Cá, Long Vương Bà-lâu-na làm chủ; năm là hình dạng loài Cóc, Long Vương Ma-na-tư làm chủ.” Trong phần thâu nhiếp đức: Bên ngoài thì cuộn mây tuôn mưa, loại trừ nóng bức gay gắt; bên trong thì mây Từ trải rộng, mưa Pháp thấm khắp, loại trừ nóng bức phiền muộn của nghiệp khổ-phiền não.

Bảy: Cư-bàn-trà Vương: Một vị thứ nhất là Thiên Vương ở phương Nam, tức là Tỳ-lâu Lạc-xoa, Trung Hoa nói là Tăng Trưởng Chủ, nghĩa là có thể làm cho tăng trưởng thiện căn của mình và người. Thiên Vương này lại dẫn dắt một Bộ, đó là Bệ-lệ-đa. Bệ-lệ-đa, Trung Hoa nói là Yểm Mị Quỷ, còn lại như âm nghĩa. Trong phần thâu nhiếp đức: Chủng loại này bởi vì chướng ngại sâu nặng, cho nên chỉ trình bày về Vô ngại, tự học hỏi về Quyền-Thật vô ngại, dùng ánh sáng Trí tuệ

về pháp giới để làm lợi ích cho chúng sinh.

Tám: Càn-thát-bà Vương: Càn-thát-bà, Trung Hoa nói là Tầm Hương, nghĩa là những loài ca hát không làm nghề nghiệp để sinh sống, chỉ tìm theo mùi thơm của đồ ăn thức uống ở mọi nhà, liền đi đến ca hát mà cầu tìm thức ăn để tự nuôi sống mình. Vì vậy người thế gian gọi những người ca hát là Càn-thát-bà, bởi vì họ có thể làm việc ca hát, cho nên lấy làm tên gọi. Cũng nói là Thực Hương, ở trong mười núi báu, ăn các loại hương còn thừa lại, tức là Thần chủ quản về ca hát của Đế Thích, lúc Đế Thích cần đến ca hát, thân của vị Vương này có tướng hiện bày. Đề-đầu Lại-tra, tức là Thiên Vương ở phương Đông, Trung Hoa nói là Trì Quốc, nghĩa là hộ trì quốc độ làm cho chúng sinh được yên ổn. Đây là thuận theo thụ động dẫn dắt làm tên gọi. Lại dẫn dắt một Bộ gọi là Tỳ-xá-xà, Trung Hoa nói là Đạm Tinh Khí, nghĩa là ăn tinh khí của hữu tình và các loại ngũ cốc. Trong phần thâm nhiếp đức: Đại pháp tức là Đại pháp duyên khởi, bởi vì tin hiểu cho nên hoan hỷ, bởi vì tâm sâu xa cho nên yêu quý kính trọng, bởi vì đã hoan hỷ-đã kính trọng, cho nên tu hành không thay đổi.

Thứ ba: Từ “Nguyệt thiên tử...” trở xuống là mười hai đoạn trình bày về chúng thuộc chư Thiên cõi Dục-Sắc. Thiên là nghĩa về tự tại, nghĩa về ánh sáng, nghĩa về thanh tịnh. Trí Luận nói: “Thiên có ba loại: Một là Nhân Thiên, đó là Đế vương; hai là Sinh Thiên, đó là cõi Dục-Sắc...; ba là Tịnh Thiên, đó là Phật Bồ-tát Đệ nhất nghĩa Thiên.” Nay bao gồm hai loại sau, nhưng chư Thiên thì thọ mạng có dài-ngắn, thân tướng có lớn-nhỏ, y phục có nhẹ-nặng, cung điện có hơn-kém, như luận Câu Xá quyển thứ 11 và luận Du Già..., kinh Khởi Thế... đều mở rộng phân rõ về điều ấy, văn nhiều cho nên không thuật lại.

Trong văn: Trước có bảy đoạn trình bày về chư Thiên cõi Dục, sau có năm đoạn trình bày về chư Thiên cõi Sắc.

Trong phần trước tức là Chúng chư Thiên cõi Dục, phân làm bảy:

Một: Nguyệt Thiên Tử: Nguyệt là Khuyết, bởi vì có lúc thiếu hụt, phía dưới là vật báu Pha-chi-ca, tạo thành từ Thủy Tinh, luôn luôn mát lạnh-luôn luôn chiếu rọi, biểu thị cho Bồ-tát đạt được tâm Từ trong lành chiếu rọi đêm dài sinh tử, như nói: Bồ-tát là vầng trăng trong lành... Trong phần nêu ra tên gọi: Một vị thứ nhất là tổng quát, tuy nêu ra tên gọi tổng quát mà vẫn có được tên gọi riêng biệt, sau đều dựa theo đây. Trong phần thâm nhiếp đức: Hiển bày sinh ra vật báu trong tâm chúng sinh, đó là Thủy Châu gặp được ánh trăng thì tuôn chảy tưới thấm-phát

ra ánh sáng, tâm thanh tịnh gặp được duyên thì Từ tuôn chảy-Trí phát ra, Sinh nhân và Liễu nhân đã phát ra thì Chánh nhân hiển bày rõ ràng. Sinh nhân do tánh mà thành tự, thì Liễu nhân không phải đưa vào từ bên ngoài, Sinh và Bất sinh không hai, phát ra chính là phát ra nơi tâm vốn có ấy, hiển bày phát ra cả hai cùng phân rõ.

Hai: Nhật Thiên Tử: Nhật là Thật, bởi vì thường xuyên đầy đủ, phía dưới cũng là vật báu Pha-chi-ca, tạo thành từ Hỏa Tinh, luôn luôn nóng bức-luôn luôn chiếu rọi, biểu thị cho Trí tuệ chiếu rọi của Bồ-tát. Vả lại, Nhật bởi vì công đức thuộc Dương, Nguyệt bởi vì linh thiêng thuộc Âm. Một loại luôn luôn phá ám, biểu thị cho trí Căn bản phá trừ phiền não; một loại luôn luôn mát lạnh, biểu thị cho trí Hậu đắc lợi ích chúng sinh. Lại dựa vào luận Bảo Tánh: “Mặt trời giáo pháp có bốn nghĩa: 1. Phá trừ bóng tối như Tuệ; 2. Soi chiếu hiện bày như Trí; 3. Tròn vẹn thanh tịnh như Giải thoát; 4. Ba nghĩa trên không tách lìa nhau như cùng chung Pháp giới.” Trong phần nêu ra tên gọi: Khả Uy Kính Tràng, người làm ác thì sợ hãi sự soi chiếu rõ ràng ấy, người làm thiện thì kính trọng về sự nghiệp hoàn thành ấy, bởi vì từ đây vượt ra ngoài cho nên gọi là Tràng. Trong phần thâm nhiếp đức: Cư là lợi ích như hoàn thành sự nghiệp, thành tựu hạnh vốn có...; thóc lúa đậu mè sinh ra và lớn lên, hoa giác ngộ nở tròn..., làm cho thiện căn tăng trưởng, như phẩm Xuất Hiện nói.

Ba: Chư Thiên cõi Tam Thập Tam: Các luận như Phật Địa... đều nói là núi Diệu Cao, bốn phía đều có tám Đại Thiên Vương, Đế Thích ở giữa cho nên có ba mươi ba. Phần sau giải thích về tên gọi của các cõi Trời đều dựa vào luận Phật Địa.

Trong phần nêu ra tên gọi: Nói Thích-ca..., là Thích-ca Năng, là Nhân-đà-la Chủ. Đây đủ nên nói là: Thích-ca Đê-hoàn Nhân-đà-la. Đê-hoàn Thiên, tức là nói đến Năng Thiên Chủ, bởi vì nuôi nấng, khuyến khích hành thiện, cho nên có thể làm Thiên Chủ. Lại có cách giải thích khác, nói như Âm Nghĩa. Trong phần thâm nhiếp đức: Nói phát khởi về nghiệp rộng lớn, là khiến cho tu tập về hạnh Phổ Hiền, bởi vì cõi Trời này ở nơi đỉnh cao của Trời, cai quản toàn bộ bốn Châu, tuy sự việc thù thắng rất nhiều, mà hãy còn sợ hãi kẻ địch là A-tu-la. Nếu nhiều người tu thiện thì bạn bè chư Thiên tăng thêm uy thế, nếu nhiều người làm ác thì chư Thiên giảm bớt, cho nên phần nhiều ưa thích khuyến khích phát khởi điều thiện. Ví như được Phật giao phó trao cho Đại phương tiện thích ứng mà làm, thậm chí như tâm kiên cố của Bồ-tát Thường Đê, làm kê ở núi Tuyết; thành tựu Đại hạnh của vua Thi-tỳ, phá trừ tâm vô cùng

keo kiệt của Lô Chí, bàn luận về Bát-nhã ở trong Thiện Pháp Đường, truyền bá Đại giáo ở sau pháp hội của Như Lai..., đều là phát khởi về nghiệp rộng lớn.

Bốn: Chư Thiên cõi Tu-dạ-ma: Tu là Thiện, là Diệu; Dạ-ma là Thời. Nói đầy đủ là Thiện Thời Phần Thiên. Luận nói: Bởi vì tùy theo thời gian thọ nhận niềm vui, cho nên gọi là Thời Phần Thiên. Lại kinh Đại Tập nói: “Cõi Trời này dùng hoa sen nở ra-khép lại để rõ ràng về ngày đêm.” Lại nói: “Hoa sen đỏ nở ra làm ngày, hoa sen trắng nở ra làm đêm, cho nên nói là Thời Phần.” Tùy theo thời gian sai khác này, thọ nhận niềm vui cũng khác nhau, cho nên Đại Luận nói: “Tùy theo thời gian thọ nhận niềm vui.” Trong phần thâm nhiếp đức: Tâm luôn luôn vui thích vừa đủ, vui thích vừa đủ thuộc về cảnh giới của mình, nay ngưỡng mộ phần vị trên mà tu tập.

Năm: Thiên Vương cõi Đâu-suất-đà: Đâu-suất-đà, Trung Hoa nói là Hỷ Túc. Luận nói: Thân đời sau của Bồ-tát giáo hóa ở cõi ấy, phần nhiều tu hạnh vui thích vừa đủ, cho nên đạt được một chút ý thích là Hỷ, lại không mong cầu gì khác là Túc. Trong phần thâm nhiếp đức: Cõi Trời ấy là nơi sinh đến của chư Phật, vì vậy khiến cho tu pháp Niệm Phật Tam-muội. Dẫn đến Thế gọi là Danh, tiếng vang phát ra trời-người là Hiệu, Hiệu chung-Danh riêng thủy đều nghĩ đến, không ghi nhớ một phương cho nên nói là tất cả. Bởi vì các Đức Như Lai cùng chung một pháp giới, Thế Đức như nhau, nghĩ đến liền rõ ràng, ghi nhớ mà Tuệ càng tăng, duy trì mà không quên mất, cho nên không có gián đoạn. Lấy Phật làm cảnh thì năm Trần làm sao có thể mê hoặc được.

Sáu: Thiên Vương cõi Hóa Lạc: Luận nói: Vui thích tự mình biến hóa làm ra các nhạc cụ, để tự mình tiêu khiển. Lại chỉ nhận lấy niềm vui tự mình biến hóa chứ không phạm đến người khác, cho nên gọi là khéo léo biến hóa. Biến nghĩa là chuyển biến, chuyển đổi thô thiển trở thành tuyệt diệu; hóa nghĩa là hóa hiện, không có mà bỗng nhiên có. Trong phần thâm nhiếp đức: Bởi vì hóa hiện xuất thế cho nên đạt được giải thoát.

Bảy: Thiên Vương cõi Tha Hóa Tự Tại: Luận nói: Khiến cho người khác hóa hiện làm ra nhạc cụ để tự mình tiêu khiển, hiển bày về mình vốn có tự tại. Trong phần nêu ra tên gọi: Tịch Tĩnh Cảnh Môn, Cảnh là nơi tiến vào Lý, tức là Môn; Căn không hề nóng vội cho nên gọi là Tịch Tĩnh, Căn tức là Môn. Căn không chấp trước mới thấy được Cảnh Không, hợp lại làm Môn. Vì vậy kinh Ương Quạt nói: “Thấy rõ ràng để bước vào cửa, đầy đủ không giảm bớt tu tập.” Trong phần thâm

niếp đức: Chúng sinh và Ngã tự tại, tức là pháp môn rộng lớn.

Trong phần sau tức là Chúng chư Thiên cõi Sắc, có năm chúng: Bởi vì Thiên thứ tư có hai chúng, nhưng bốn Tịnh lục thâm nhiếp bao nhiêu cõi trời, văn sau của kinh nhiều lần nêu ra, đến phẩm Thập Tạng sẽ hợp lại để giải thích, phần nhiều dựa vào quyển thứ 18. Tịnh lục thứ nhất có bốn cõi trời, Tịnh lục thứ hai-thứ ba đều thâm nhiếp ba cõi Trời, đều nêu ra cõi trời cao nhất, dùng thù thắng thâm nhiếp yếu kém cho nên chỉ nêu ra một, văn sau nói về Tụng quán sát tất cả các cõi Trời. Tịnh lục thứ tư tự mình thâm nhiếp chín cõi Trời, năm cõi trời phía trên là nơi cư trú của Thánh giả Tiểu thừa, không phải nơi này đích thực che phủ, trong phần vị Di sinh thì cõi Quảng Quả cao nhất, cho nên nay nêu ra cõi ấy. Đại Tự Tại Thiên là chủ của Tam thiên thế giới, cho nên riêng biệt nêu ra.

Một- *Chúng Đại Phạm Thiên Vương*: Luận Phật Địa nói: “Ly dục tịch tĩnh cho nên gọi là Phạm.” Nói đầy đủ là Phạm-ma, Trung Hoa nói là Thanh Khiết Tịch Tĩnh, nghĩa là bắt đầu lìa xa Dục nhiễm cho nên gọi là Thanh Khiết, đạt được Định căn bản gọi là Tịch Tĩnh. Thi Khí, Trung Hoa nói là Trì Kế, nghĩa là đỉnh đầu của Phạm Vương này, có Nhục Kế tựa như hình xoắn ốc, cho nên cũng gọi là Loa Kế. Hoặc nói là Hỏa Đảnh, bởi vì Hỏa tai lên đến cõi này. Tướng mạo như Đồng tử, thân sắc trắng như bạc, mặc áo sắc vàng ròng, Thiên duyệt làm thức ăn. Trong phần thâm nhiếp đức: Vốn tu tâm Từ cho nên được sinh đến cõi Phạm Thế, Đẳng lưu nối tiếp nhau trở lại thương xót chúng sinh. Bởi vì thích thỉnh cầu chuyển Pháp luân, cho nên ánh sáng của Trí soi chiếu chúng sinh; bởi vì không làm hạnh ô nhiễm, cho nên ánh sáng của Thân phát ra rực rỡ, nếu có chúng sinh nào gặp được thì thân tâm vui mừng thư thái.

Hai- *Quang Âm Thiên*: Cõi trời thứ ba thuộc về Thiên thứ hai. Trí Luận cũng nói: “Thiên thứ hai gọi chung là Quang Âm, bởi vì chư Thiên cõi ấy nói năng thì miệng phát ra ánh sáng thanh tịnh.” Có nơi nói: “Cõi ấy không có Tâm-Tứ, ngôn ngữ cũng không sử dụng, ánh sáng làm ngôn ngữ cho nên gọi là Quang Âm.” Luận Du Già gọi là Cực Quang Tịnh, nghĩa là ánh sáng thanh tịnh soi chiếu rộng khắp nơi chốn của mình và người. Trong phần thâm nhiếp đức: Định sinh Hỷ-Lạc, lìa xa Tâm-Tứ, cho nên có được tên gọi Tịch Tĩnh. Nhưng hễ đạt được thì rời bỏ Động để mong cầu Tĩnh, cho nên không phải Hỷ thuộc ý vị rộng lớn của Định, không phải là pháp vô ngại. Nay Bồ-tát ngay nơi Động mà Tĩnh, không phân tán-không đắm theo ý vị, chính là pháp môn vô

ngại rộng lớn.

Ba- *Biển Tịnh Thiên*: Cõi trời này lìa xa Hỷ, cho nên thân tâm đều thanh tịnh. Trong phần thâm nhiếp đức: Thân tâm đều thanh tịnh chưa hẳn là rộng lớn, chúng sinh-Ngã không hai, làm lợi ích cho tất cả thế gian, mới là rộng lớn.

Bốn- *Quảng Quả Thiên*: Tức là cõi trời thứ ba thuộc Thiên thứ tư, bởi vì đối với quả thiện của Di sinh thì ở cõi này rộng lớn nhất, cho nên tất cả công đức hơn hẳn ba cõi dưới. Trong phần thâm nhiếp đức: Cõi trời này lìa xa tám tai họa, là nơi vắng lặng nhất trong thế gian. Nay dùng Thật Trí an trú trong cung của Bốn Tịch.

Năm- *Đại Tự Tại Thiên*: Tiếng Phạn nói là Ma-hê Thủ-la, bởi vì tự tại nhất ở Tam thiên thế giới. Trí Luận quyển thứ 2 nói: “Chư Thiên cõi này có tám cánh tay-ba mắt, cõi bò trắng, tay cầm phát trần trắng, trong một niệm có thể biết rõ số giọt mưa trong Đại thiên thế giới.” Văn sau của kinh giống như vậy. Dựa theo Trí Luận quyển thứ 11: “Vượt qua năm cõi trời Tịnh Cư, có trú xứ của Bồ-tát Thập Trú, cũng gọi là Tịnh Cư, hiệu là Đại Tự Tại Thiên Vương.” Lại trong Tam thừa thiết lập cõi này làm Tịnh độ, là trú xứ của Báo thân, dựa theo Thật thì chỉ là quả Nhiếp Báo của Bồ-tát Địa thứ mười, phần nhiều làm Thiên Vương ở cõi ấy mà thôi. Trong phần thâm nhiếp đức: Bởi vì đỉnh cao của ba cõi, không phải Vô tướng thì không vượt lên trên, không phải Ly tướng thì không mong cầu, mà do công hạnh bình đẳng. Nhưng giải thích tên gọi-ca ngợi về đức trên đây, đều từ nghĩa phương tiện mà thuận theo chủng loại khác nhau. Nếu dựa theo Thật Đức thì tất cả đều có lẫn nhau, đều có thể mong cầu chung tất cả. Phần trình bày về Chúng hải vân tập, xong.

